

Thứ năm, ngày 14 tháng 3 năm 2024

Vietnam Daily Review

VN-Index giảm hơn 6 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 16/3/2024		●	
Tuần 11/03 - 15/03/2024		●	
Tháng 3/2024		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index giằng co quanh ngưỡng 1,275 cả buổi sáng trước khi giảm trong buổi chiều và kết phiên tại mốc 1,246.26 điểm, giảm hơn 6 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 9/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Bán lẻ dẫn đầu đã giảm hôm nay, theo sau là ngành Ngân hàng. Ở chiều ngược lại, ngành Dầu khí, Tiện ích có phiên giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Đà tăng của VN-Index đã chứng lại sau hai phiên tăng mạnh. Hiện tại thị trường vẫn đang giao dịch trong biên độ rộng, tiềm ẩn rủi ro, nhất là khi VN-Index đang ở gần vùng kháng cự cũ 1,280 – 1,300. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong những phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL vận động cùng chiều với đà giảm của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 14/3/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-6.25** điểm, đóng cửa **1264.26** điểm. HNX-Index **+1.48** điểm, đóng cửa **239.68** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+1.16)**, **VIC (+0.91)**, **GVR (+0.5)**, **PVD (+0.22)**, **KBC (+0.2)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.36)**, **BID (-1.24)**, **CTG (-0.91)**, **MSN (-0.69)**, **HPG (-0.63)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **26791** tỷ đồng, tăng **13.61%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 27962 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 17.74 điểm. Thị trường có **193** mã tăng, 69 mã tham chiếu, 292 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-911.3** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM(-165.84 tỷ)**, **VNM(-141.28 tỷ)**, **FRT(-104 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **103.01** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **-0.49%**. Các mã diễn biến tích cực: **PVD (+4.94%)**, **PVS (+2.71%)**, **GAS (+2.53%)**.
- BSC50 **+0.61%**. Các mã diễn biến tích cực: **VTP (+6.92%)**, **PVT (+6.85%)**, **IJC (+6.77%)**.

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Truyền thông	3.87%	Y tế	-0.41%
Dầu khí	1.83%	Bảo hiểm	-0.50%
Điện, nước & xăng dầu khí	1.52%	Du lịch và Giải trí	-0.52%
Hàng & Dịch vụ Công	1.42%	Thực phẩm và đồ	-1.06%
Hóa chất	0.71%	Tài nguyên Cơ bản	-1.16%
Ô tô và phụ tùng	0.61%	Ngân hàng	-1.35%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.54%	Bán lẻ	-2.08%
Bất động sản	0.43%		
Xây dựng và Vật liệu	0.08%	VNSML	0.93%
Công nghệ Thông tin	-0.03%	VNMID	-0.15%
Dịch vụ tài chính	-0.40%	VN30	-0.94%

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vi mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1264.26**
Giá trị: 26790.55 tỷ **-6.25 (-0.49%)**
Khối ngoại (ròng): -911.3 tỷ

HNX-INDEX **239.68**
Giá trị: 3463.07 tỷ **1.48 (0.62%)**
Khối ngoại (ròng): 103.01 tỷ

UPCOM-INDEX **91.62**
Giá trị: 679.14 tỷ **0.09 (0.09%)**
Khối ngoại (ròng): -26.97 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	79.7	2.74%
Giá vàng	2,174	0.76%
Tỷ giá USD/VND	24,707	0.11%
Tỷ giá EUR/VND	27,032	0.00%
Tỷ giá JPY/VND	167.00	-0.04%
LS liên NH 1 tháng	2.14%	
LS TPCP 5 năm	1.57%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SSI	129.86	VHM	-165.84
PVD	70.53	VNM	-141.28
KDH	50.33	FRT	-104.00
VIX	49.12	SBT	-80.26
PVT	40.54	HPG	-63.71

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng ngày 14/03/2024

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	79.68	2.74%	0.70%	4.35%	11.33%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	83.95	2.48%	1.19%	3.65%	9.02%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.66	2.73%	4.03%	4.10%	4.76%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	1.67	-2.85%	-13.68%	0.01%	-38.10%		
TTF Gas	EUR/MWh	24.90	0.52%	-6.28%	0.19%	-43.64%		
Vàng	Ounce	2,174.30	0.76%	1.21%	9.13%	14.31%		PNJ
Bạc	Ounce	25.01	3.48%	3.52%	11.81%	15.31%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,181.75	0.19%	3.78%	0.96%	-20.89%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	16.52	0.49%	-0.06%	2.23%	-7.97%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	162.70	0.49%	2.13%	6.62%	22.33%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	21.93	0.18%	2.24%	-6.16%	6.04%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, QNS
Ure	USD/T	370.00	0.00%	-0.67%	-8.64%	-5.13%		DPM, DCM
Niken	LB	18,325.00	0.91%	4.56%	14.49%	-20.07%		PC1
Đồng	LB	4.05	3.07%	4.52%	9.34%	0.99%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,040.00	0.00%	-5.12%	-13.92%	-26.62%		CSV
Thép	CNY/ton	3,567.00	0.37%	-2.01%	-8.33%	-18.23%		HPG
Nhôm	Ton	2,263.50	-0.07%	1.28%	1.25%	-3.78%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

- Giá dầu

 - Giá dầu Brent giao sau tăng 1.22 USD, tương đương 2.48%, lên 83.95 USD/thùng. Dầu thô West Texas Intermediate (WTI) của Mỹ giao tháng 3/2024 tăng 1.01 USD, tương đương 2.74%, lên 79.68 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI giao tháng 4/2024 giảm 1.30 USD, tương đương 1.4%, xuống 77.04 USD/thùng.
 - Giá dầu quay đầu giảm trong phiên giao dịch trầm lắng cùng với ngày nghỉ lễ Tổng thống ở Mỹ và những lo lắng về nhu cầu toàn cầu bù đắp hỗ trợ giá từ cuộc xung đột Israel-Hamas.
- Giá vàng

 - Vàng giao ngay tăng 0.76% lên 2,174.3 USD/ounce vào lúc 18:52 GMT. Giá vàng kỳ hạn của Mỹ tăng 0.8% lên 2,039.8 USD.
 - Giá vàng đã tăng lên mức cao nhất trong hơn một tuần khi USD giảm, trong khi tập trung chú ý vào biên bản cuộc họp chính sách tiền tệ mới nhất của Fed để thấy các tín hiệu về việc cắt giảm lãi suất hơn nữa, dự kiến công bố vào hôm nay.
- Giá Quặng sắt

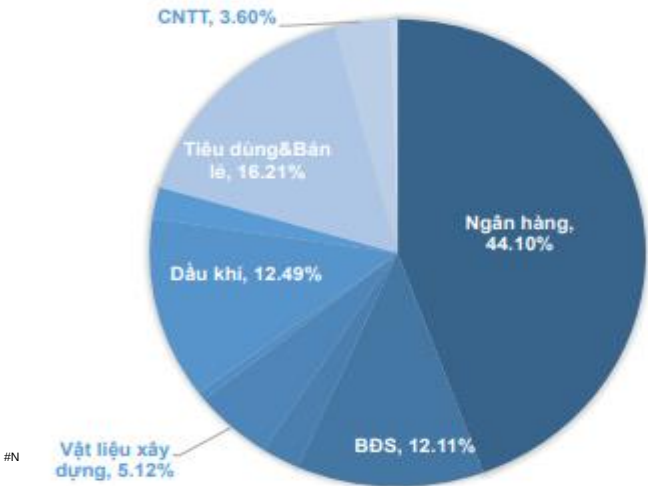
 - Quặng sắt giao tháng 5/2024 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên của Trung Quốc chốt phiên giảm 5.41% xuống 909.5 nhân dân tệ (126.35 USD)/tấn, thấp nhất kể từ ngày 1/11. Quặng sắt kỳ hạn tháng 3/2024 trên Sàn giao dịch Singapore giảm 4.39% xuống 121.8 USD/tấn vào lúc 0722 GMT, thấp nhất kể từ ngày 8/11/2023.
 - Giá quặng sắt kỳ hạn giảm xuống mức thấp nhất trong hơn 3 tháng, do lo ngại gia tăng về triển vọng nhu cầu từ Trung Quốc bất chấp động thái mới nhất nhằm vực dậy thị trường bất động sản.
- Giá hàng hóa khác

 - Giá lúa mì kỳ hạn tại Chicago đã tăng 4% khỏi mức thấp nhất do hoạt động mua ngắn hạn khi USD yếu, căng thẳng địa chính trị và mùa trồng trọt mùa xuân.
 - Giá ngô tại Chicago tăng nhẹ vào cuối phiên giao dịch sau khi giảm xuống mức thấp nhất trong hơn ba năm, các thương nhân cho biết,

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	95.0	-1.0%	0.8	21,544	8.9	5,910	16.1	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	51.7	-1.7%	1.0	11,958	3.1	3,781	13.7	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	18.8	-1.3%	1.0	6,052	7.3	1,267	14.8	23,685	27.8%	Link
TCB	Ngân hàng	41.4	-1.4%	1.1	5,917	11.1	5,111	8.1	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	23.4	-1.7%	1.0	4,961	17.5	3,966	5.9	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	30.4	-1.3%	1.0	2,329	19.5	4,094	7.4	31,200	24.2%	Link
CTG	Ngân hàng	34.4	-2.0%	1.0	7,506	9.8	3,723	9.3	19,100	297.5%	Link
ACB	Ngân hàng	27.2	-1.4%	0.8	4,295	9.1	4,131	6.6	42,500	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	37.8	-0.3%	1.2	2,302	60.5	1,529	24.7	45,900	44.5%	Link
IDC	BĐS KCN	60.3	0.5%	1.1	807	8.2	4,221	14.3	-	20.8%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	30.4	-1.5%	1.4	7,161	37.9	1,176	25.8	23,300	25.3%	Link
HSG	Vật liệu xây dựng	22.2	-1.5%	1.6	556	8.8	1,321	16.8	79,900	23.2%	Link
VHM	BĐS	42.9	-0.1%	1.3	7,580	21.9	7,607	5.6	38,900	22.0%	Link
KDH	BĐS	37.5	-0.3%	1.4	1,216	7.0	897	41.8	44,100	38.8%	Link
NLG	BĐS	44.6	0.2%	1.3	696	7.6	1,257	35.5	46,100	46.9%	Link
DGC	Hóa chất	128.2	0.8%	1.5	1,976	17.9	8,163	15.7	85,000	20.0%	Link
DCM	Phân bón	35.8	-1.7%	1.4	768	8.6	2,095	17.1	41,000	9.8%	Link
GAS	Dầu khí	81.0	2.5%	0.7	7,549	12.6	5,053	16.0	36,000	2.4%	Link
PVS	Dầu khí	37.9	2.7%	0.9	735	28.0	1,812	20.9	110,500	17.8%	Link
PVD	Dầu khí	32.9	4.9%	1.3	742	21.8	1,035	31.8	45,000	22.3%	Link
POW	Tiện ích	11.6	0.0%	0.8	1,102	3.3	459	25.3	38,500	3.9%	Link
VHC	Thủy sản	77.0	-1.4%	1.0	701	3.8	4,793	16.1	29,000	32.2%	Link
GMD	Logistics	80.6	0.0%	1.1	1,000	5.9	7,262	11.1	14,500	48.8%	Link
VNM	Bán lẻ	70.5	-0.4%	0.8	5,979	15.6	4,246	16.6	81,700	52.5%	Link
MSN	Bán lẻ	78.9	-2.5%	1.5	4,581	20.5	293	269.6	27,700	27.7%	Link
MWG	Bán lẻ	47.2	-2.7%	1.6	2,804	25.5	115	412.1	63,800	45.1%	Link
PNJ	Bán lẻ	100.9	-0.6%	0.7	1,370	6.7	6,011	16.8	83,500	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	66.1	0.3%	1.5	448	8.9	2,121	31.2	90,900	24.6%	Link
FPT	Công nghệ	117.0	0.0%	0.8	6,029	16.4	5,091	23.0	57,000	49.0%	Link
CTR	Công nghệ	117.5	-1.8%	1.0	545	4.2	4,515	26.0	108,000	11.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	23.0	-0.6%	0.8	2,694	5.3	3,482	6.6	1.5	19.8%	23.2%
VIB	Ngân hàng	21.7	-1.6%	1.2	2,234	3.4	3,376	6.4	1.5	20.5%	28.8%
TPB	Ngân hàng	18.8	-1.3%	1.1	1,675	5.8	2,027	9.2	1.3	28.6%	19.8%
MSB	Ngân hàng	14.7	-1.7%	1.3	1,193	4.8	2,322	6.3	0.9	30.0%	17.8%
EIB	Ngân hàng	18.0	-1.1%	1.0	1,268	7.3	1,244	14.4	1.4	3.2%	12.6%
HCM	Chứng khoán	28.6	-1.4%	1.4	877	14.8	1,475	19.4	1.6	29.8%	7.3%
VCI	Chứng khoán	52.2	1.2%	1.6	927	21.9	1,124	46.4	3.1	23.2%	4.7%
VND	Chứng khoán	23.3	-1.1%	1.5	1,151	38.0	1,662	14.0	1.7	22.5%	3.8%
BSI	Chứng khoán										
SHS	Chứng khoán										
LCG	Xây dựng	13.6	0.4%	1.5	105	4.7	635	21.5	1.0	2.5%	3.8%
HUT	Xây dựng	18.6	-1.1%	1.7	674	2.2	45	413.8	1.8	0.0%	1.3%
CTD	Xây dựng	77.0	1.7%	0.9	312	10.1	1,894	40.6	0.9	44.9%	0.8%
HHV	Xây dựng	15.2	-0.7%	1.4	254	3.2	777	19.6	0.8	9.5%	4.2%
C4G	Xây dựng	11.5	0.0%	1.5	0	0.5	431	26.7	1.1	0.0%	5.2%
DIG	BĐS KCN	27.5	1.9%	1.7	680	39.4	283	97.1	2.2	5.6%	1.1%
CEO	BĐS KCN										
KBC	BĐS KCN	34.0	3.2%	1.5	1,057	33.7	2,606	13.0	1.4	22.1%	18.9%
VGC	BĐS KCN	59.2	0.3%	1.3	1,077	3.9	2,717	21.8	3.4	5.1%	13.6%
SZC	BĐS KCN	45.0	-0.7%	1.4	329	4.1	1,824	24.7	3.1	2.7%	10.9%
SIP	BĐS KCN										
PHR	BĐS KCN	58.9	-1.8%	1.1	324	3.3	4,574	12.9	2.2	16.6%	26.9%
GVR	BĐS KCN	32.8	1.5%	1.5	5,324	6.4	646	50.7	2.6	0.4%	7.0%
NKG	Vật liệu	24.0	-0.6%	1.6	257	6.8	464	51.8	1.2	13.9%	13.5%
BMP	Hóa chất	114.2	-1.6%	0.6	379	1.3	12,704	9.0	3.5	86.0%	38.4%
IJC	Bất động sản	16.6	6.8%	1.7	254	7.8	1,569	10.6	1.1	3.6%	10.9%
DXG	Bất động sản	18.1	-0.3%	1.8	529	8.9	239	75.8	1.4	19.3%	3.4%
VRE	Bất động sản	25.9	0.0%	1.1	2,388	13.0	1,940	13.3	1.6	29.7%	10.7%
PDR	Bất động sản										
CSV	Hóa chất	59.9	-2.1%	1.4	107	3.8	4,732	12.7	1.9	5.5%	21.0%
DHC	Hóa chất										
PLX	Dầu khí	37.4	0.7%	1.0	1,926	4.3	2,213	16.9	2.0	17.3%	11.7%
PLC	Dầu khí	32.1	0.3%	1.4	105	0.3	1,333	24.1	2.0	1.1%	8.5%
BSR	Dầu khí	19.4	0.5%	1.3	0	6.4	2,745	7.1	1.1	0.0%	9.7%
DRC	Săm lốp	33.8	-0.6%	0.8	163	1.9	2,086	16.2	2.2	12.5%	13.5%
PC1	Tiện ích	29.1	-1.0%	1.4	367	14.6	439	66.3	2.3	7.8%	5.0%
HDG	Tiện ích	29.8	2.1%	1.3	370	7.9	2,327	12.8	1.6	17.9%	16.8%
GEX	Tiện ích	22.9	0.2%	1.8	791	23.4	388	59.0	1.7	9.7%	5.4%
QTP	Tiện ích	15.5	2.6%	0.6	0	0.5	1,366	11.4	1.4	1.2%	9.9%
REE	Tiện ích	64.3	1.1%	0.9	1,066	3.3	5,354	12.0	1.5	49.0%	18.5%
ANV	Thủy sản	35.2	-1.5%	1.4	190	4.8	314	112.1	1.9	2.3%	10.0%
PTB	Thủy sản	64.3	2.1%	0.7	175	2.7	4,368	14.7	1.6	22.0%	13.4%
PVT	Logistics	28.8	6.9%	0.9	379	19.5	3,005	9.6	1.4	13.1%	16.4%
VSC	Logistics	22.7	2.9%	1.4	246	7.5	946	24.0	1.1	1.4%	7.9%
HAH	Logistics	45.0	1.8%	1.4	193	9.2	3,648	12.3	1.8	4.1%	24.6%
VTP	Logistics										
DBC	Bán lẻ	31.6	-1.2%	1.4	310	17.2	103	305.8	1.6	3.8%	2.9%
FRT	Bán lẻ	154.0	-2.5%	0.7	851	8.5	(2,537)	-60.7	14.9	36.6%	11.8%
QNS	Bán lẻ	48.5	1.3%	0.7	0	0.9	6,117	7.9	2.0	15.3%	24.3%
DPM	Phân bón	36.4	-1.1%	1.3	578	7.4	1,361	26.7	1.4	9.2%	19.1%
TNG	Dệt may	22.7	-0.9%	1.0	105	1.9	1,997	11.4	1.6	21.3%	17.1%

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
2	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook 4Q2023		x	Click
5	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
6	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2024	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Tuần 04/03 - 08/03/
Tháng 3/2024

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639